

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HS-ST
Ngày 10-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến D

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị H, Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:
Ông Lâu Văn L - Kiểm sát viên.

Ngày 10/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2017/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2017/QĐXXST-HS ngày 27/7/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hà Văn H - Sinh năm 1986. Tại: xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT: Bản Mòng, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Thái; Con ông: Hà Văn A, sinh năm 1960; Con bà: Hà Thị N, sinh năm 1963; Có vợ: Lương Thị D, sinh năm 1995; Có 02, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/3/2017 đến ngày 21/3/2017 thì được tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn K - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa là người người bào chữa cho bị cáo Hà Văn Hạo. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ, ngày 15-3-2017, Hà Văn H gọi điện cho một người tên Lót ở bản Sỏm Vẳng, huyện Sốp Bâu, tỉnh Hòa Bình, Lào để hỏi mua quả thuốc

phiện để đem đi bán kiếm lời, hai bên thỏa thuận là 200.000đ/01kg và được Lót đồng ý. Đến 10 giờ 30 cùng ngày thì Lót sang bản Mòng, xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát và nhận của H 2.000.000đ (Hai triệu đồng) rồi hẹn khi nào có quả thuốc phiện sẽ gọi cho H lấy. Khoảng 20 giờ ngày 17-3-2017 khi H đang ở nhà thì có một người tên là Đ gọi điện thoại cho H hỏi mua 10 kg quả thuốc phiện (*Người tên Đ này H biết trước đó khoảng 1 tháng, qua điện thoại, chưa gặp mặt*) H trả lời là có và nói với Đ giá quả thuốc phiện là 250.000đ/01kg, khi nào có quả thuốc phiện sẽ gọi cho Đ. Đến sáng ngày 18-3-2017, sau khi được ông Lót báo là đã có quả thuốc phiện, H một mình đi bộ từ nhà mình đến khu vực sát với bản Sỏm Văng, Lào gập và nhận quả thuốc phiện với Lót, quả thuốc phiện được bỏ trong 01 bao tải màu xanh. Sau đó H điện thoại cho người tên Đ để bán quả thuốc phiện thì được người tên Đ bảo mang quả thuốc phiện đến bản Buồn, xã Tén Tán, huyện Mường Lát giao quả thuốc phiện và nhận tiền. Nghe vậy, H điện thoại cho vợ mình là Lương Thị D mang xe máy đến khu vực Trạm thủy điện thuộc bản Tén Tán, xã Tén Tán để đón H, khi gặp H thì vợ H hỏi trong bao tải là cái gì? Thì H nói “Đàn bà, con gái thì biết gì” nghe vậy vợ H không hỏi nữa, H đưa bao tải quả thuốc phiện lên gác trước của xe máy và chở vợ cùng đi xuống bản Buồn, xã Tén Tán để giao quả thuốc phiện cho người tên Đ. Khi H đi đến khu vực bản Buồn, xã Tén Tán thì bị lực lượng tuần tra Đoàn biên phòng cửa khẩu Tén Tán kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang H và bị thu giữ toàn bộ tang vật.

Tại bản kết luận giám định số: 806/MT- PC54 ngày 20-3-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Các quả màu xanh, vàng có hình bầu dục, kích thước to nhỏ khác nhau, bên ngoài các quả có các vết khứa của thùng giấy catton niêm phong gửi giám định, có tổng trọng lượng là 7,2kg (*Bảy phẩy hai kilogam*). Qua giám định đều là quả thuốc phiện.

Bản cáo trạng số 14/CTr-VKS-MT ngày 06-7-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố Hà Văn H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 194 BLHS. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Nên đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bị cáo Hà Văn H phạm tội “Mua bán trái pháp chất ma túy”.

+ Áp dụng: Điều 33; điểm p, khoản 1, điều 46; khoản 1 điều 194 BLHS đối với bị cáo.

+ Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 26 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về vật chứng: Đề nghị HĐXX xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt. Nhưng cho rằng, trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải được quy định tại điểm p, khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số; lại sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; học hành không đến nơi đến chốn, không hiểu biết pháp luật; bản thân bị cáo chỉ sống và làm việc tại địa phương, công tác phổ biến tuyên truyền pháp luật về tác hại của quả thuốc phiện không đến được với nhân dân; bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, gia đình thuộc diện hộ nghèo, vợ thường xuyên ốm đau, con còn nhỏ, do nghèo túng nên mới nghĩ ra việc mua bán quả thuốc phiện để lấy tiền lo cho cuộc sống gia đình, trước khi có hành vi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của thôn bản, nên đề nghị HĐXX áp dụng thêm khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, để xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án thấp nhất của khung hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội để nuôi dạy con cái và trở thành công dân có ích cho xã hội, nhưng vẫn có tính phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý đã bào chữa cho bị cáo, không thay đổi, bổ sung thêm gì, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất của khung hình phạt, để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm phạm tội của mình:* Ngày 15/3/2013, bị cáo gọi điện cho người tên Lót công dân Lào hỏi quả thuốc phiện, với mục đích đem đi bán lại cho người khác và được Lót nói là 200.000đ/01 kg, cùng ngày Lót đến gặp H và nhận 2.000.000đ để mua 10kg quả thuốc phiện, ngày 17-3-2017 thì có 01 người tự xưng là Đ ở bản Buồn, xã Tén Tàn gọi điện cho H hỏi mua 10kg quả thuốc phiện, H đồng ý và báo giá là 250.000đ/01kg, đến tối cùng ngày thì Lót gọi điện cho H là đã có quả thuốc phiện và đến khu vực biên giới để nhận. Ngày 18-3-20187 khi nhận được quả thuốc phiện thì H gọi điện cho Đ nói đã có quả thuốc phiện và Đ bảo đem quả thuốc phiện xuống bản Buồn, xã Tén Tàn cho Đ và nhận tiền, khi H và vợ đi đến đến bản Buồn, xã Tén Tàn thì Hạo bị lực lượng chức năng bắt giữ thu toàn bộ quả thuốc phiện, qua giám định tổng trọng lượng quả thuốc phiện là 7,2kg (Bảy phẩy hai kilogam).

Hành vi mua bán trái phép quả thuốc phiện của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về ma túy, hơn nữa ma túy hiện nay đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội và còn là hiểm họa phát sinh những tội phạm khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Việc tàng trữ quả thuốc phiện để bán kiếm lời của các bị cáo đã tạo nguy cơ kích thích tình trạng tái trồng cây thuốc phiện và mua bán quả thuốc phiện trên địa bàn huyện nhà, bị cáo biết rõ điều đó nhưng vẫn bán quả thuốc phiện với mục đích kiếm lời, thu lợi bất chính. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc tàng trữ trái phép quả thuốc phiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Như vậy, với hành vi của bị cáo, tính chất vụ án, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo và trọng lượng quả thuốc phiện thu giữ của bị cáo sau khi giám định trọng lượng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội danh và mức hình phạt được quy định tại khoản 1, điều 194 Bộ luật hình sự, tương ứng với khoản 1 điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải, nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm p, khoản 1, điều 46 Bộ luật hình sự. Mặt khác, Bị cáo lại sinh sống từ nhỏ ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa thấp nên mới dẫn đến phạm tội, nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, vợ bị cáo thường xuyên ốm đau, con đang còn nhỏ, cũng chỉ vì túng quẫn nên mới nghĩ ra việc mua bán quả thuốc phiện để lấy tiền chữa bệnh cho vợ và nuôi con. Với các tình tiết này thì Hội đồng xét xử cũng cân nhắc khi lượng hình phạt cho bị cáo một mức án

thấp nhất có thể, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở thành người công dân có ích.

Về đề nghị áp dụng khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo của người bào chữa cho bị cáo, thì Hội đồng xét xử thấy chưa đủ cơ sở để áp dụng.

[4] *Xét về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”, do đó bị cáo bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ thường xuyên ốm đau, con còn nhỏ, bị cáo làm nương rẫy, điều kiện kinh tế khó khăn và lại là hộ nghèo của xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát. Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là hợp lý. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Xét về vật chứng trong vụ án*:

6,5 kg quả thuốc phiện thu giữ của bị cáo còn lại sau khi giám định là tang vật vụ án là chất Nhà nước cấm lưu hành, căn cứ điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình. (Nay là điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015) tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại NOKIA đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo là vật chứng của vụ án, căn cứ điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình (Nay là điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015) tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe máy thu giữ của bị cáo, trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Xét về phần án phí và quyền kháng cáo*: Bị cáo phải chịu án phí HSST và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng khoản 1 điều 2 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 để miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, thì Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] *Các nhận định khác*:

Đối với người tên Lót, là công dân nước CHDCND Lào. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát không đủ thẩm quyền để xác minh làm rõ, nên không thể xử lý ở vụ án này.

Đối với người tên là Đ ở đội sản xuất số 1, Đoàn kinh tế Quốc phòng 5 là người đã điện thoại hỏi mua quả thuốc phiện của Hà Văn Hạo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát đã xác minh nhưng không có ai tên là Đức, nên không có cơ sở để giải quyết.

Đối với Lương Thị D là vợ của Hà Văn H, bị bắt cùng H nhưng chị D không biết việc H mua bán quả thuốc phiện nên không phạm tội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn H phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Khoản 1 điều 194 BLHS năm 2009 tương ứng khoản 1 điều 251 BLHS năm 2015; Điều 33; điểm p khoản 1 điều 46 BLHS đối với bị cáo.

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn H **24** (Hai mươi bốn) tháng tù, được trừ đi 03 (Ba) ngày đã bị tạm giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về tang vật: Áp dụng điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình (Nay là điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015)

Tịch thu tiêu hủy: 6,5 kg quả màu xanh-vàng có hình bầu dục, kích thước to nhỏ khác nhau, bên ngoài các quả có các vết khứa dọc là mẫu vật còn lại sau giám định. Tất cả được đựng trong một thùng giấy catton do Phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành được dán kín, niêm phong bởi chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Vũ Huy Lực, Lê Minh Quang, Lại Thị Thanh Loan và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại NOKIA 1280 đã qua sử dụng. Giao cho Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mường Lát thành lập Hội đồng bán đấu giá, số tiền thu được sung vào công quỹ Nhà nước.

Các vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07-7-2017 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự (Nay là khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015); Khoản 1, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt bị cáo và người bào chữa cho bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật bị cáo phải thi hành khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm, nếu không tự nguyện thì bị cưỡng chế theo điều 9 luật THADS, thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H. Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Quang Chiêu, H. Mường Lát;
- Bị cáo Hà Văn H;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến D